TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HS-ST
Ngày: 30-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đang

Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa*:** bà Phạm Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2022/TLST-HS ngày 04/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HS, ngày 17 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

1/ Trịnh Quốc T, sinh ngày 05/9/1991 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12; Con ông Trịnh Văn Ph và con bà Nguyễn Thị V; Bị cáo có vợ và 01 con; Tiền án, tiền sự: không;

+ Nhân thân:

- Quyết định số 18 ngày 27/6/2015 Công an phường T, thành phố T xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 500.000 đồng, về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy.

- Quyết định số 01 ngày 22/12/2015 Công an phường B, thành phố T xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 700.000 đồng, về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 108/2022/HSST-LCĐKNCT ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

2/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Đinh Vũ T, sinh năm 1994. (vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn B, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Trần Đức H, sinh năm 1978. (vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Quốc T là người không có nghề nghiệp ổn định. T tự đứng ra cho người khác vay tiền với mức lãi xuất cao để thu lời bất chính. Cách thức mà T thực hiện là khi có người hỏi vay tiền T tự đưa ra mức lãi xuất 10%/tháng, thời hạn trả lãi suất một tháng tính là 30 ngày và trả lãi hàng tháng vào ngày trùng của ngày cho vay. Nếu người vay đồng ý vay thì T yêu cầu người vay viết giấy vay tiền, ghi rõ ngày vay tiền, số tiền vay nhưng không ghi lãi suất, ký, ghi rõ họ tên rồi đưa cho T giữ. Sau đó T giao tiền cho người vay, số tiền vay bằng tiền mặt hoặc vào ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại của T thực hiện việc chuyển tiền cho vay từ tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 102869467918 tên Trịnh Quốc T đến tài khoản ngân hàng của người vay. Đến ngày trả lãi người vay trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo tài khoản trên của T.

Thông qua mối quan hệ quen biết với Trịnh Quốc T, anh Đinh Vũ T và anh Trần Đức H biết T cho vay lãi không cần thế chấp tài sản nên đã hỏi vay tiền, T đồng ý. Trong thời gian từ ngày 20/10/2021 đến ngày 21/6/2022 tại nhà ở của mình Trịnh Quốc T cho anh T vay tổng cộng số tiền 80.000.000 đồng và cho anh H vay tổng số tiền 50.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng tương đương 121,6% năm, gấp 6,08 lần mức tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự, nhằm thu lời bất chính tổng số tiền 78.662.100 đồng. Cụ thể như sau:

1. Trịnh Quốc T cho anh Đinh Vũ T vay 2 lần với tổng số tiền 80.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 20/10/2021, anh Đinh Vũ T đến nhà T vay 60.000.000 đồng, T đồng ý và đưa ra mức lãi suất 10%/tháng, nghĩa là mỗi tháng anh T phải trả 6.000.000 đồng cho khoản vay 60.000.000 đồng (một tháng tính 30 ngày) tương ứng với 121,6%/năm, gấp 6,08 lần mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự, trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, cho đến khi trả xong cả gốc, anh T đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong, T yêu cầu anh T viết giấy vay tiền nhưng chỉ ghi ngày vay tiền, người vay tiền, số tiền vay nhưng không ghi lãi suất và thời hạn trả, ký xác nhận đưa cho T. Sau khi cầm tờ giấy vay tiền, T đưa cho anh T 60.000.000 đồng nhưng cắt luôn 6.000.000 đồng tiền lãi của tháng đầu tiên, chỉ được nhận 54.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ngày 20/12/2021, anh T đến nhà T trả 2 tháng tiền lãi (từ ngày 20/11/2021 đến ngày 20/01/2022) với tổng số tiền 12.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc.

Ngày 20/01/2022 do cần thêm tiền anh T tiếp tục đến nhà T hỏi vay thêm 20.000.000 đồng, T đồng ý cho anh T vay thêm 20.000.000 đồng với mức lãi suất và thời hạn thanh toán như lần trước, anh T đồng ý. Do tin tưởng anh T nên T không yêu cầu anh T viết giấy vay tiền mà dùng tài khoản ngân hàng của T, chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng của anh T số tiền 18.000.000 đồng (T trừ luôn 2.000.000 đồng tiền lãi của tháng đầu tiên). Sau đó T và anh T thống nhất gộp số tiền gốc 60.000.000 đồng của lần vay trước với 20.000.000 đồng của lần vay thứ hai thành một khoản vay mới là 80.000.000 đồng, với mức lãi suất 10%/tháng của số tiền vay, tính từ ngày 20/01/2022 đồng thời T thu thêm tiền lãi 6.000.000 đồng của khoản tiền 60.000.000 đồng vay lần trước. Như vậy anh T đã trả cho T tổng 8.000.000 đồng tháng đầu tiên của khoản vay 80.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 20/3/2022, 20/4/2022,

20/5/2022 và 20/6/2022 anh T đã trả cho T 32.000.000 đồng (tiền lãi từ ngày 20/2/2022 đến 20/6/2022). Ngày 21/6/2022 anh T đến nhà T trả cho T 4.000.000 đồng tiền lãi của ½ tháng tiếp theo (từ ngày 20/6/2022 đến ngày 05/7/2022). Như vậy từ ngày 20/01/2022 đến ngày 05/7/2022 anh Tùng đã trả cho T tổng số tiền lãi là 44.000.000 đồng, tiền gốc 80.000.000 đồng anh T chưa trả.

Như vậy, đối với khoản vay 60.000.000 đồng từ ngày 20/10/2021 đến ngày 20/01/2022, anh T đã trả lãi 3 tháng tiền lãi tổng số tiền 18.000.000 đồng, tiền gốc 60.000.000 đồng của khoản vay được chuyển vào khoản vay mới 20.000.000 đồng thành khoản vay 80.000.000 đồng nên giao dịch dân sự của khoản vay trên kết thúc. Vì vậy, tiền lãi theo thỏa thuận, tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự và tiền thu lời bất chính là:

- Số tiền lãi theo thỏa thuận là 6.000.000 : 30 x 90 (ngày thỏa thuận) = 18.000.000 đồng.

- Tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự anh T phải trả cho T là: 60.000.000 đồng x 20% : 365 x 92 (ngày thực tế) = 3.024.658 đồng.

- Số tiền thu lợi bất chính là 18.0000.000 đồng – 3.024.658 đồng = 14.975.342 đồng.

Đối với khoản vay 80.000.000 đồng từ ngày 20/01/2022 đến ngày 21/6/2022 cơ quan điều tra phát hiện gồm (khoản vay 20.000.000 đồng và gốc của khoản vay 60.000.000 đồng), anh T đã trả 44.000.000 đồng tiền lãi bao gồm (40.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 20/01/2022 đến ngày 20/6/2022 và 4.000.000 đồng tiền lãi trả trước đến ngày 5/7/2022), tiền gốc chưa trả nên giao dịch dân sự chưa kết thúc. Vì vậy, tiền lãi theo thỏa thuận; tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự và tiền thực tế thu lời bất chính của T là:

- Số tiền lãi theo thỏa thuận (từ ngày 20/01/2022 đến ngày 05/7/2022) là 8.000.000 : 30 x 165 (ngày thỏa thuận) = 44.000.000 đồng.

- Số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự anh T phải trả cho T từ ngày 20/01/2022 đến ngày 05/7/2022 là: 80.000.000 đồng x 20% : 365 x 166 (số ngày thực tế) = 7.276.712 đồng.

- Số tiền thực tế T đã thu lợi bất chính của anh T từ ngày 20/01/2022 đến ngày 05/7/2022 là: 44.000.000 – 7.276.712 = 36.723.288 đồng.

Tổng số tiền Trịnh Quốc T thu lợi bất chính từ hai lần cho anh T vay là: 18.000.000 + 44.000.000 = 62.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự anh T phải trả cho T từ 02 lần vay là: 3.024.658 + 7.276.712 = 10.301.370 đồng.

Tổng số tiền thực tế Trịnh Quốc T thu lợi bất chính từ 02 lần cho anh T vay là: 14.975.342 + 36.723.288 = 51.698.630 đồng.

2. Trịnh Quốc T cho anh Trần Đức H vay 50.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 07/12/2021, anh Trần Đức H đến nhà ở gặp T hỏi vay 50.000.000 đồng. T đồng ý và đưa ra mức lãi suất 10%/tháng, nghĩa là mỗi tháng anh H phải trả 5.000.000 đồng cho T đối với khoản vay 50.000.000 đồng (một tháng tính 30 ngày) tương ứng với 121,6%/năm, gấp 6,08 lần mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự, trả lãi vào ngày 07 hàng tháng, cho đến khi trả xong cả gốc,

anh H đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong, T yêu cầu anh H viết giấy vay tiền vào tờ giấy vở học sinh kẻ ngang nhưng chỉ ghi ngày vay tiền, người vay tiền, số tiền vay nhưng không ghi lãi suất và thời hạn trả, ký xác nhận đưa cho T giữ rồi nhận 50.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tháng 12/2021, tháng 01/2022, tháng 4/2022 và tháng 5/2022 anh H trả tiền lãi bằng tiền mặt; tháng 02/2022 và tháng 3/2022 anh H trả tiền lãi bằng chuyển khoản.

Như vậy, đối với khoản vay trên, từ ngày 07/12/2021 đến ngày 07/6/2022 anh H đã trả cho T tổng 30.000.000 đồng tiền lãi; từ ngày 08/6/2022 đến ngày 21/6/2022 (thời điểm cơ quan điều tra phát hiện) anh H chưa trả tiền lãi và tiền gốc 50.000.000 đồng, nên giao dịch dân sự chưa kết thúc. Vì vậy, tiền lãi theo thỏa thuận; tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự; tiền nhằm thu lời bất chính và tiền thực tế thu lời bất chính của T là:

- Số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự anh H phải trả cho T từ ngày 07/12/2022 đến ngày 07/6/2022 là: 50.000.000 đồng x 20% : 365 x 182 (số ngày thực tế) = 4.986.301 đồng.

- Số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự anh H phải trả cho T từ ngày 07/12/2022 đến ngày 21/6/2022 là: 50.000.000 đồng x 20% : 365 x 196 (số ngày thực tế) = 5.369.863 đồng.

- Số tiền lãi theo thỏa thuận (từ ngày 07/12/2021 đến ngày 21/6/2022) là 5.000.000 : 30 x 194 (ngày thỏa thuận) = 32.333.333 đồng.

- Số tiền thực tế T đã thu lợi bất chính của anh H từ ngày 07/12/2021 đến ngày 07/6/2022 là: 30.000.000 – 4.986.301 = 25.013.699 đồng.

- Số tiền T nhằm thu lợi bất chính từ ngày 07/12/2021 đến ngày 21/6/2022 (tổng 196 ngày) = 32.333.333 đồng - số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự 5.369.863 đồng = 26.963.470 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Trịnh Quốc T đã thu lợi bất chính từ việc cho anh T và anh H vay là: 14.975.342 + 36.723.288 + 25.013.699 = 76.712.329 đồng.

Tổng số tiền Trịnh Quốc T nhằm thu lợi bất chính từ việc cho anh T và anh H vay là: 14.975.342 + 36.723.288 + 26.963.470 = 78.662.100 đồng.

Nhận thấy việc cho vay lãi nặng của Trịnh Quốc T là vi phạm pháp luật. Ngày 21/6/2022, anh T làm đơn trình báo với cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T. Cùng ngày 21/6/2022, tiến hành làm việc với Trịnh Quốc T, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và tự giao nộp 01 tờ giấy vay tiền bằng vở học sinh kẻ ngang nội dung ghi ngày 7/12/2021, Trần Đức H vay của Trịnh Quốc T 50.000.000 đồng có chữ ký xác nhận của Trần Đức H ngoài ra còn giao nộp số tiền 4.000.000 đồng là tiền lãi anh T trả trước cho khoản vay 80.000.000 đồng từ 20/6/2022 đến 5/7/2022.

Tại cơ quan điều tra Trịnh Quốc T thừa nhận hành vi cho nhiều người vay tiền với lãi suất vượt quá quy định của pháp luật nhằm thu lợi bất chính nội dung sự việc đúng như bản cáo trạng đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 79/CT-VKS-TPTĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Trịnh Quốc T ra trước Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp để xét xử về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1, khoản 3 Điều 201 của

Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp vẫn giữ nguyên bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Trịnh Quốc T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Quốc T từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp các khoản tiền sau đây để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+ Đối với bị cáo Trịnh Quốc T phải nộp khoản tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự đã thu được của những người vay là 15.287.671 đồng. Bị cáo Trịnh Quốc T đã nộp được số tiền 4.000.000 đồng

+ Đối với anh Đinh Vũ T số tiền 80.000.000 đồng (có được do vay của Trịnh Quốc T);

+ Đối với anh Trần Đức H số tiền 50.000.000 đồng (có được do vay của Trịnh Quốc T);

Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Quốc T thừa nhận trong thời gian từ ngày 20/10/2021 đến ngày 21/6/2022 tại nhà ở của mình Trịnh Quốc T cho anh T vay tổng cộng số tiền 80.000.000 đồng và cho anh H vay tổng số tiền 50.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng tương đương 121,6% năm, gấp 6,08 lần mức tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự, nhằm thu lời bất chính tổng số tiền 78.662.100 đồng

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi bị truy tố như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp. Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo.

Lời khai nhận tội của bị cáo Trịnh Quốc T tại phiên tòa và trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, giấy vay tiền đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo như sau: Trong thời gian từ ngày 20/10/2021 đến ngày 21/6/2022, Trịnh Quốc T đã cho anh Đinh Vũ T vay tổng số tiền 80.000.000 đồng và cho anh Trần Đức H vay tổng số tiền 50.000.000 đồng với mức lãi suất 121,6%, gấp 6,08 lần mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự, nhằm thu lời bất chính tổng số tiền 78.662.100 đồng.

[2] Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" như sau:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2…...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế về hoạt động cho vay trong giao dịch dân sự được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo Trịnh Quốc T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Trịnh Quốc T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Trịnh Quốc T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố đã thành khẩn khai báo, mặt khác bị cáo đã nộp lại một phần số tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm theo quy định của pháp luật là 4.000.000 đồng nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: bị cáo Trịnh Quốc T có nhân thân xấu đã hai lần bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo Trịnh Quốc T, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 35 của Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo Trịnh Quốc T cũng đủ để giáo dục cải tạo bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: căn cứ khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm". Do áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Trịnh Quốc T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Đối với 01 tờ giấy vay tiền là tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của Trịnh Quốc T vì vậy được lưu tại hồ sơ làm căn cứ giải quyết vụ án.

[7] Đối với số tiền sử dụng vào việc phạm tội

Đối với tổng số tiền 130.000.000 đồng là tiền của Trịnh Quốc T dùng cho

vay lãi nặng là công cụ, phương tiện phạm tội nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Đối với khoản tiền gốc 80.000.000 đồng anh Đinh Vũ T chưa trả cho bị cáo cần buộc anh T nộp lại để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với khoản tiền gốc 50.000.000 đồng anh Trần Đức H chưa trả cho bị cáo cần buộc anh H nộp lại để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[8] Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015

Số tiền 15.287.671 đồng tương ứng tiền lãi mức 20%/năm do Trịnh Quốc T đã thu được từ việc cho các anh Đinh Vũ T và Trần Đức H vay tiền, đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 4.000.000 đồng. Nay cần buộc bị cáo phải nộp số tiền còn lại là 11.287.671 đồng.

[9] Đối với các khoản tiền bị cáo thu lời bất chính.

Trịnh Quốc T cho vay với lãi suất vượt quá mức quy định của pháp luật để thu lời bất chính, là khoản tiền bị cáo chiếm đoạt bất hợp pháp nên cần buộc bị cáo có nghĩa vụ trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên anh Đinh Vũ T và anh Trần Đức H không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Điệp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: bị cáo Trịnh Quốc T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a

khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Quốc T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trịnh Quốc T 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng);

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền 130.000.000 đồng sử dụng vào việc phạm tội và 15.287.671 đồng do phạm tội mà có, cụ thể như sau:

- Buộc bị cáo Trịnh Quốc T phải nộp lại số tiền 15.287.671 đồng là tiền do phạm tội mà có để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo Trịnh Quốc T đã nộp số tiền 4.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi lập ngày 14/11/2022. Bị cáo còn phải nộp số tiền là 11.287.671 đồng.

- Buộc anh Đinh Vũ T phải nộp lại số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) đã vay của bị cáo để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Buộc anh Trần Đức H phải nộp lại số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đã vay của bị cáo để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

4. Về án phí:

- Buộc bị cáo Trịnh Quốc T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- Sở tư pháp
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Cơ quan CSĐT và Cơ quan thi hành án hình sự TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú